

KẾ HOẠCH
Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hậu Giang
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050

Thực hiện Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân tỉnh Hậu Giang phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định được xu thế biến đổi khí hậu và nước biển dâng tỉnh Hậu Giang theo kịch bản RCP 6.0 (kịch bản nồng độ khí nhà kính trung bình cao), dự báo đến năm 2030 (thời kỳ 2016 - 2035) và năm 2050 (thời kỳ 2046 - 2065) so với thời kỳ cơ sở (1986 - 2005), theo Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành năm 2016.

2. Xác định các thách thức và cơ hội của biến đổi khí hậu (BĐKH) đối với quá trình phát triển của ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

3. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên nhằm thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện cho từng giai đoạn (2021 - 2025, 2026 - 2030), tầm nhìn đến 2050.

4. Rà soát, điều chỉnh, đề xuất bổ sung lồng ghép BĐKH trong chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh Hậu Giang.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Chủ động thích ứng, tận dụng những cơ hội do BĐKH mang lại để phát triển kinh tế - xã hội địa phương một cách bền vững; vấn đề ứng phó BĐKH được thể hiện toàn diện trong quan điểm, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, có trách nhiệm tham gia của các cấp chính quyền, các ngành, cơ quan đoàn thể, các doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng; huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025:

+ 100% tổ chức, cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn tỉnh được tiếp cận thông tin ứng phó BĐKH, cập nhật kiến thức ứng phó BĐKH trong chương trình giáo dục các cấp hàng năm.

+ 100% các chương trình, quy hoạch, kế hoạch được xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và đề xuất đầu tư các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội có lồng ghép thích ứng BĐKH.

+ Ưu tiên công trình thích ứng BĐKH trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Tỉnh.

+ Hoàn thành việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng điều kiện BĐKH.

+ Xây dựng tối thiểu 01 mô hình thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng/địa bàn huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

+ 100% các cơ sở thuộc đối tượng theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tham gia các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050:

+ Tiếp tục lồng ghép thích ứng BĐKH trong các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

+ Phát triển các kỹ thuật giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; tham gia lộ trình cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính trong việc thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH đối với các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp.

+ Đảm bảo cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, xây dựng và đô thị an toàn, chống chịu được những tác động do thiên tai BĐKH; giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tính mạng, tài sản của người dân.

+ Tiếp tục ưu tiên công trình thích ứng BĐKH trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Tỉnh.

+ Nhân rộng các mô hình thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA KỊCH BẢN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH HẬU GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

1. Nhiệt độ

- Nhiệt độ trung bình năm của tỉnh trong kỳ đánh giá là 27,5⁰C, với khoảng dao động từ 24,3⁰C đến 30,0⁰C. Năm 2015 và 2016 có nhiệt độ trung bình cao nhất là 27,8⁰C. Biến trình năm của nhiệt độ không khí đạt cực tiểu vào tháng 1 (17,7 - 20,5⁰C) rồi tăng dần và đạt cực đại vào tháng 4, tháng 5 (34,6 - 36,7⁰C) sau đó giảm dần đến hết tháng 12. Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình mùa mưa và mùa khô của tỉnh so với thời kỳ trước đang có xu hướng tăng dần và không ổn định, khoảng dao động trung bình từ 26,8 - 27,8⁰C.

Nhiệt độ không khí ($^{\circ}\text{C}$) trung bình tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2008 - 2018

Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TB năm
2008	25,8	26,0	27,2	28,4	27,3	27,4	27,3	26,7	26,5	27,3	26,5	25,6	26,8
2009	24,3	26,6	28,4	28,8	27,7	28,1	27,0	27,7	27,1	27,1	27,4	26,5	27,2
2010	26,0	27,0	28,4	29,4	30,0	28,1	27,4	27,1	27,6	26,9	26,8	26,4	27,6
2011	25,9	26,3	27,3	28,1	28,6	27,5	27,2	27,5	27,0	27,9	27,4	26,0	27,2
2012	26,4	27,0	28,1	28,6	28,0	27,9	27,6	27,8	26,6	27,5	28,2	27,8	27,6
2013	26,1	27,3	28,3	29,1	28,9	27,9	27,2	27,3	27,1	27,3	27,5	25,5	27,5
2014	24,7	25,8	27,7	29,1	29,3	27,6	27,5	27,7	27,3	27,5	28,0	26,9	27,4
2015	25,2	25,6	27,8	29,3	29,5	27,9	28,2	28,1	27,6	28,0	28,6	27,8	27,8
2016	27,6	27,0	27,6	29,6	29,2	27,7	27,7	27,9	27,7	26,9	27,9	26,5	27,8
2017	26,9	26,6	27,7	28,9	27,8	28,2	27,3	27,6	28,1	27,5	27,5	26,1	27,5
2018	26,3	26,2	27,8	28,8	28,5	27,8	27,4	27,5	27,3	28,0	27,7	27,7	27,6
TB các năm	25,9	26,5	27,8	28,9	28,6	27,8	27,4	27,5	27,3	27,4	27,6	26,6	27,5

- Theo kịch bản RCP 6.0:

+ Đến năm 2030, mức độ biến đổi nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tăng bình quân là $0,78^{\circ}\text{C}$, với dải nhiệt độ tăng dần theo hướng từ Nam sang Bắc. Nền nhiệt biến đổi cao nhất tập trung ở 2 huyện Châu Thành A và Vị Thủy, mức dao động lần lượt từ $0,78^{\circ}\text{C}$ - $0,83^{\circ}\text{C}$ và $0,78^{\circ}\text{C}$ - $0,82^{\circ}\text{C}$, một số khu vực như phía Bắc huyện Châu Thành, huyện Phụng Hiệp và thành phố Vị Thanh có mức nhiệt tương tự. Ngược lại, mức tăng nhiệt độ thấp nhất là $0,73^{\circ}\text{C}$ tập trung tại thành phố Ngã Bảy, thị xã Long Mỹ và huyện Phụng Hiệp.

+ Đến năm 2050, phân bố nhiệt độ khá tương đồng so với thời kỳ năm 2030, tăng dần từ Nam sang Bắc. Mức nhiệt tăng lên từ $1,77^{\circ}\text{C}$ - $1,87^{\circ}\text{C}$, so với thời kỳ 2030 tăng $1,1^{\circ}\text{C}$, các vùng biến đổi nhiệt lớn nhất có xu hướng mở rộng xuống phía Nam huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ và thành phố Vị Thanh. Mức tăng nhiệt độ cao nhất tại khu vực phía Bắc của tỉnh (thuộc huyện Châu Thành A, huyện Vị Thủy, thành phố Vị Thanh và phía Bắc huyện Phụng Hiệp), thấp nhất tại khu vực phía Nam (bao gồm: thành phố Ngã Bảy, phía Nam huyện Phụng Hiệp, phía Nam huyện Long Mỹ và thị xã Long Mỹ).

2. Lượng mưa

- Lượng mưa trung bình của tỉnh đạt 1.751,3 mm, lượng mưa lớn nhất trong năm vào tháng 9 (chiếm 16,75% lượng mưa trung bình cả năm) và nhỏ nhất đạt vào tháng 2 (chiếm 0,76% lượng mưa trung bình cả năm). Mùa mưa tỉnh Hậu Giang đã có xu hướng kết thúc muộn hơn 1 tháng trong những năm gần đây (thường kết thúc vào giữa hoặc cuối tháng 11).

Lượng mưa (mm) trung bình tỉnh Hậu Giang

Tháng	Cần Thơ	Vị Thanh	Rạch Gòi	Ngã Bảy	TB Hậu Giang
1	18,9	12,1	19,7	20,2	16,6
2	12,4	10,6	15,3	15,4	13,3
3	27,9	19,8	13,4	10,8	15,9
4	50,7	67,3	73,3	53,1	64,9
5	195,7	184,5	196	183,6	188,1
6	193,2	258,9	233,9	197	233,4
7	206,5	295,8	225,4	227,9	254,5
8	158,5	217,8	179,4	207,2	201,5
9	215,7	329,3	283,2	257,8	293,4
10	237,5	255,7	286,7	265,4	266,7
11	130,3	152,7	150,1	116,2	141,8
12	68,1	63,2	64,5	53,3	61,2
Tổng năm	1.515,4	1.867,7	1.741,1	1.607,9	1.751,3

- Theo kịch bản RCP 6.0:

+ Đến năm 2030, mức độ biến đổi lượng mưa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang dao động từ 2,49% - 6,73%, tăng dần theo hướng Tây - Nam sang Đông - Bắc với mức độ biến đổi cao nhất thuộc huyện Châu Thành và thành phố Ngã Bảy là 6,0% - 6,73%, thấp nhất thuộc thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ 2,49% - 3,5%.

+ Đến năm 2050, mức độ biến đổi lượng mưa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tăng lên từ 3,25% - 7,52%, tăng dần theo hướng Tây - Nam sang Đông - Bắc, huyện Châu Thành, phía Đông - Bắc huyện Châu Thành A, phía Đông huyện Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy có mức biến đổi cao nhất, ngược lại thấp nhất thuộc khu vực phía Tây thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ.

+ Lượng mưa trong tương lai giảm (khi mức độ biến đổi lượng mưa tăng), các huyện như thành phố Vị Thanh, huyện Long Mỹ có lượng mưa cao dần bị thu hẹp.

3. Kịch bản nước biển dâng (NBD)

- Hậu Giang là tỉnh không giáp biển, tuy nhiên chế độ thủy văn lại chịu ảnh hưởng bởi cả hai chế độ triều Biển Đông và Biển Tây. Vì thế, để đánh giá mức độ ảnh hưởng của nước biển dâng tại khu vực dựa trên đánh giá thay đổi mực nước tại 2 vị trí trên 2 sông chính thuộc địa bàn tỉnh là sông Hậu (giáp tỉnh Vĩnh Long) và sông Cái Lớn (giáp tỉnh Kiên Giang). Theo kịch bản RCP 6.0, mực nước biển dâng (cm) tại sông Hậu và sông Cái Lớn như sau:

Kịch bản RCP 6.0/năm	2025	2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
Mực nước biển dâng tại sông Hậu									
Cận trên	13,1	16,2	22,9	30,2	38,3	47,3	57,4	68,6	81,1
Trung bình	9,1	11,3	15,9	21,0	26,6	32,9	39,9	47,7	56,4
Cận dưới	6,0	7,4	10,5	13,9	17,6	21,7	26,3	31,4	37,2
Mực nước biển dâng tại sông Cái Lớn									
Cận trên	13,4	16,6	23,2	30,7	38,8	47,9	58,0	69,2	81,5
Trung bình	9,3	11,6	16,2	21,4	27,1	33,4	40,4	48,2	56,8
Cận dưới	6,2	7,7	10,8	14,2	18,0	22,1	26,8	31,9	37,6

Đến năm 2030, mực NBD trung bình tại sông Hậu và sông Cái Lớn lần lượt là 11,3 cm và 11,6 cm; đến năm 2050, mực NBD trung bình tại sông Hậu và sông Cái Lớn lần lượt là 21 cm và 21,4 cm.

- Thống kê diện tích ngập theo kịch bản RCP 6.0 phân theo đơn vị hành chính huyện như sau:

STT	Tên Huyện	Đến năm 2030		Đến năm 2050	
		Diện tích ngập (km ²)	Tỷ lệ ngập (%)	Diện tích ngập (km ²)	Tỷ lệ ngập (%)
1	Thành phố Vị Thanh	12,18	10,25	40,19	33,81
2	Thành phố Ngã Bảy	4,20	5,38	22,04	28,23
3	Thị xã Long Mỹ	58,76	39,36	119,44	80,01
4	Huyện Châu Thành	0,52	0,37	3,02	2,14

5	Huyện Châu Thành A	0	0	1,9	1,18
6	Huyện Long Mỹ	45,57	17,52	145,85	56,08
7	Huyện Phụng Hiệp	91,22	18,83	214,64	44,3
8	Huyện Vị Thủy	51,26	22,35	142,24	62,01
Tỉnh Hậu Giang		263,71	16,26	689,32	42,51

Theo diện tích ngập dự báo đến năm 2030, tổng diện tích có nguy cơ ngập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là 263,71 km² (tương ứng 16,26% diện tích toàn tỉnh); đến năm 2050, diện tích ngập dự báo là 689,32 km² (tương ứng 42,51% diện tích toàn tỉnh), các địa bàn cần chú ý là huyện Vị Thủy, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ và thị xã Long Mỹ.

4. Thách thức và cơ hội của BĐKH trên địa bàn tỉnh

4.1. Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn

Nông - lâm - ngư nghiệp là lĩnh vực dễ bị tổn thương do phụ thuộc nhiều vào khí hậu, tài nguyên thiên nhiên và thương mại toàn cầu. BĐKH làm gia tăng thiên tai và gia tăng những rủi ro này.

a) Thách thức

- Các yếu tố sạt lở, giông bão - lốc xoáy gia tăng làm tăng mức độ thiệt hại đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp và đầu tư cơ sở hạ tầng bố trí ổn định dân cư chịu ảnh hưởng của thiên tai.

- Tình trạng xâm nhập mặn có chiều hướng phức tạp hơn, gây nguy cơ trực tiếp đối với ngành thủy sản nước ngọt và gây áp lực đối với hệ thống cung cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn; suy giảm chất lượng rừng và gia tăng sự xâm nhập của loài ngoại lai.

- Yếu tố khí hậu thay đổi làm tăng dịch bệnh, giảm khả năng miễn dịch ở cây trồng, vật nuôi; thay đổi thời vụ sản xuất và ảnh hưởng năng suất, chất lượng của ngành trồng trọt, chăn nuôi.

- Hạn hán, nắng nóng kéo dài làm tăng khả năng cháy rừng, nguy cơ suy giảm diện tích rừng, thay đổi cấu trúc rừng, ô nhiễm môi trường cũng gây ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài động thực vật đặc trưng của vùng. Đây là nguyên nhân chính làm cho nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng, đa dạng sinh học bị suy giảm.

- Nguy cơ thiếu nước ngọt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

b) Cơ hội

- Những tác động của tự nhiên đang đặt ra yêu cầu đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chất lượng cao.

- Phát triển các mô hình sản xuất theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường và thích ứng tốt với các điều kiện khí hậu; thay đổi tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phương thức sản xuất hiện đại, ứng dụng công nghệ cao;

- Đa dạng các loại cây trồng, vật nuôi; chuyển đổi các loại cây trồng, vật nuôi thích nghi tốt với môi trường nước lợ, chống chịu tốt hạn, mặn; tận dụng nguồn tài nguyên nước mặn và nước lợ.

- Tiềm năng phát triển hệ sinh thái rừng cũng như một số loài động thực vật đặc trưng của vùng thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến việc bảo tồn đa dạng sinh học, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thực hiện thỏa thuận quốc tế của Việt Nam.

4.2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Hiện nay, tỉnh Hậu Giang đã hình thành 02 Khu công nghiệp, 04 Cụm công nghiệp tập trung và 04 Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp. Ngoài ra, có các làng nghề truyền thống bao gồm làng nghề đan lục bình ở Vị Thủy, Châu Thành, Phụng Hiệp, Long Mỹ và thành phố Vị Thanh; làng chiếu Cái Chanh ở Châu Thành. BĐKH tác động đến mọi mặt của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tỉnh Hậu Giang như nguồn lao động, năng lượng, nguồn nguyên, nhiên liệu,...

a) Thách thức

- Nguy cơ môi trường bị ô nhiễm do hoạt động xả thải từ các KCN/CCN, các hệ sinh thái xuống cấp, khó khắc phục.

- BĐKH ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất của các ngành CN/TTCN, làng nghề (tre, nứa, lục bình,...) của tỉnh.

- Tồn hại đến cơ sở hạ tầng do các hiện tượng thời tiết cực đoan.

b) Cơ hội

Cơ hội ứng dụng các công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất và thân thiện với môi trường, xu hướng đẩy mạnh thu hút phát triển sản xuất năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối).

4.3. Lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng và đô thị

a) Thách thức

- Làm giảm khả năng lưu thông, vận chuyển hành khách, hàng hóa trên đường bộ và đường thủy; nguy cơ mất an toàn giao thông, nhất là làm đình trệ lưu thông tuyến đường bộ.

- BĐKH tác động đến sức chịu tải, độ bền, độ an toàn của các công trình, quá trình thi công các công trình; gia tăng chi phí đầu tư, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, công trình xây dựng.

- Gia tăng sự mất sự an toàn các công trình thủy lợi do các thông số thiết kế hiện tại có nguy cơ không chịu được sức ép từ BĐKH.

- Nhiệt độ tăng làm tiêu hao năng lượng động cơ, phát thải khí nhà kính.

- Gia tăng nguy cơ ngập úng đô thị hiện hữu và gây áp lực đối với hệ thống cấp nước sinh hoạt.

b) Cơ hội

- Tận dụng lợi thế sông nước để phát triển các tuyến giao thông thủy.
- Thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài từ nguồn vốn ứng phó BĐKH đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông thủy, bộ; phát triển đô thị xanh, thông minh và thích ứng với BĐKH.
- Phát triển ứng dụng khoa học công nghệ về vật liệu thích ứng BĐKH, giảm chi phí đầu tư công trình, giảm tiêu hao nhiên liệu, kỹ thuật an toàn công trình giảm thiệt hại do thiên tai; chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường.

4.4. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

a) Thách thức

- Tăng diện tích đất có nguy cơ bị ngập, đất mặn và thay đổi cơ cấu sử dụng đất; đẩy nhanh quá trình phèn hóa, thoái hóa đất và giảm diện tích đất sản xuất.
- Suy giảm tài nguyên nước mặt, nước ngầm và nguy cơ thay đổi tính chất các loại khoáng sản như cát, sét, than bùn, khó khăn trong việc khai thác do tình trạng ngập ứng triều.
- Gia tăng mức độ ô nhiễm, suy thoái môi trường đất, nước, không khí, qua đó tăng áp lực đối với công tác quản lý môi trường, nhất là ứng phó sự cố môi trường.

b) Cơ hội

- Thay đổi công tác quản lý tài nguyên và môi trường theo hướng hiện đại, sử dụng đất hợp lý gắn với bảo vệ nguồn tài nguyên đất, ưu tiên đầu tư trang thiết bị quan trắc môi trường và hạ tầng khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.
- Thúc đẩy khai thác bền vững, phát triển các mô hình sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước; thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng công nghệ sản xuất, công xử lý chất thải tiên tiến, hiện đại phát sinh ít chất thải, tái chế, tái sử dụng chất thải.
- Thay đổi lối sống, hành vi theo hướng thân thiện môi trường; thúc đẩy việc áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn, phát triển ngành công nghiệp môi trường.

4.5. Lĩnh vực y tế, giáo dục và an sinh xã hội

a) Thách thức

- Năng lực thích ứng của cộng đồng dân cư, nhất là đối tượng dễ bị tổn thương do tác động biến đổi khí hậu còn hạn chế dẫn đến rủi ro về sinh kế, sức khỏe, tính mạng.
- Rủi ro phát sinh các loại bệnh mới, tăng khả năng bùng phát và lan truyền dịch bệnh; gia tăng áp lực về nguồn nhân lực và hệ thống hạ tầng y tế để chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Rủi ro gây gián đoạn, giảm hiệu quả hoạt động giảng dạy tại các cấp học.
- Gia tăng tình trạng di cư và chuyển dịch lao động từ nông thôn lên thành thị, tác động lớn đến lực lượng lao động ngành nông – lâm – thủy sản.
- Ảnh hưởng xấu đến sản xuất, nguồn lực và điều kiện sống của người dân trên các khía cạnh: an toàn sức khỏe và sinh mạng, điều kiện sống, cư trú và tiếp cận các dịch vụ cơ bản đặc biệt là nước sạch cho sinh hoạt.

b) Cơ hội

- Thúc đẩy hoàn thiện hệ thống hạ tầng y tế tuyến cơ sở, sự tham gia đầu tư dịch vụ y tế từ khu vực tư nhân, tăng sức cạnh tranh về dịch vụ và công nghệ khám chữa trị người bệnh.
- Đưa kiến thức, kỹ năng ứng phó biến đổi khí hậu vào chương trình giáo dục các cấp hình thành ý thức, kỹ năng ứng phó với những rủi ro thiên tai ngay bậc giáo dục phổ thông.
- Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, mô hình sáng tạo trong giáo viên, học sinh, sinh viên gắn với kiến thức bản địa để thích ứng BĐKH tại địa phương; đào tạo các ngành nghề mới để phát triển ngay địa phương như du lịch, nông nghiệp xanh, chuyên gia nghiên cứu về BĐKH, năng lượng; thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, cải thiện hiệu quả tình trạng di dời, di cư, công tác tái định cư, bảo trợ xã hội trong bối cảnh BĐKH.
- Đa dạng các mô hình sinh kế đối với các đối tượng dễ bị tổn thương do tác động biến đổi khí hậu.
- Nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng dân cư trước những tác động xấu của biến đổi khí hậu và nước biển dâng (xâm nhập mặn, thiên tai, dịch bệnh).

4.6. Lĩnh vực văn hóa, du lịch

a) Thách thức

- Tăng chi phí đầu tư, cải tạo, bảo trì cơ sở hạ tầng du lịch, tôn tạo công trình di tích lịch sử.
- Khả năng bị ảnh hưởng, đình trệ hay bị hủy bỏ các hoạt động du lịch, đặc biệt là giảm lượng khách du lịch do sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, ngập lụt, mưa lớn kéo dài.

b) Cơ hội

- Cơ hội đầu tư hạ tầng cho phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái.
- Thu hút sự quan tâm nhiều hơn của các tổ chức quốc tế về BĐKH đối với hoạt động du lịch sinh thái, kết hợp với các mô hình sinh kế nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, kết hợp du lịch với nghiên cứu, tìm hiểu về sinh thái rừng, đa dạng sinh học, cũng như được chia sẻ kinh nghiệm để thực hiện tốt về ứng phó BĐKH trong hoạt động du lịch của tỉnh.

- Thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp nghiên cứu, đầu tư vào lĩnh vực du lịch.

4.7. Lĩnh vực khoa học và công nghệ

a) Thách thức

Hoạt động nghiên cứu khoa học về BĐKH chưa theo kịp những tác động của BĐKH đối với các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống người dân.

Hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại, tiên tiến trong sản xuất sạch hơn, xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm năng lượng, tái tạo năng lượng còn hạn chế.

b) Cơ hội

- Ưu tiên hoàn thiện cơ chế chính sách và nguồn kinh phí khoa học công nghệ thích ứng BĐKH, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và sự tham gia của khu vực tư nhân.

- Phát triển hoạt động khoa học công nghệ trong cộng đồng để thích ứng BĐKH, nhất là ứng dụng vào lĩnh vực sản xuất.

IV. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung giai đoạn 2021 - 2025

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý BĐKH.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH thông qua hoạt động truyền thông; phong trào, hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp Hội, đoàn thể.

- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

- Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của các ngành, các cấp để ứng phó hiệu quả, kịp thời trước những tác động của BĐKH.

- Chủ động tạo quỹ đất, khuyến khích đầu tư các dự án có tính chất động lực như: Công nghiệp - Nông nghiệp - Đô thị - Du lịch; quy hoạch các khu vực đất trồng lúa có thể chuyển đổi mục đích linh hoạt để nông dân chủ động trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo điều kiện tự nhiên của từng năm.

- Triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ thông qua các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, các giải pháp kỹ thuật ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu đến ngành, lĩnh vực, địa phương. Nghiên cứu, phát triển và tham gia chuyển giao khoa học và công nghệ, tập trung vào công nghệ mới, hiện đại, sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện với môi trường và hệ thống khí hậu trái đất.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu; nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo kịp thời diễn biến của BĐKH và các hiện tượng thời tiết bất thường; giám sát BĐKH và quản lý phát thải khí nhà kính.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện một số công trình đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cập nhật phương án ứng phó rủi ro thiên tai (hạn, mặn, giông, lốc) theo cấp độ rủi ro thiên tai.

- Đầu tư các khu tái định cư, di dời dân ra khỏi phạm vi khu vực nguy cơ sạt lở cao.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, trọng tâm là lồng ghép Kế hoạch trồng cây xanh phân tán và trồng rừng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch Phát triển Lâm nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Thực hiện chương trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguồn năng lượng mới, sạch, vật liệu thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh triển khai phát triển các giống cây trồng vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các cơ sở áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, đặc biệt đối với nguồn tài nguyên nước mặt.

- Thực hiện các giải pháp cấp nước hiệu quả tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung và khu vực nông thôn trong điều kiện BĐKH.

- Quản lý tổng hợp chất thải rắn: triển khai các dự án tăng cường tái sử dụng và tái chế chất thải rắn, cải tiến và áp dụng công nghệ chôn lấp bán hiếu khí, triển khai và nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện môi trường kết hợp với thu hồi năng lượng.

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực cấp tỉnh, cấp huyện được lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó BĐKH; vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với những tác động của BĐKH.

- Tăng cường việc liên kết giữa các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long quản lý nguồn tài nguyên nước mặt trước việc suy giảm nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công đổ về.

- Góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2025, xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030.

2. Nhiệm vụ chung giai đoạn 2026 - 2030

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách, kế hoạch tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030.

- Rà soát, đánh giá tác động của BĐKH đối với hiện trạng sử dụng đất; quy hoạch sử dụng đất theo hướng thích ứng BĐKH, đảm bảo đồng bộ nhu cầu về đầu tư hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, các công trình trữ nước, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất quy mô lớn và chuyển đổi sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục tạo quỹ đất, khuyến khích đầu tư các dự án có tính chất động lực như: Công nghiệp - Nông nghiệp - Đô thị - Du lịch; quy hoạch các khu vực đất trồng lúa có thể chuyển đổi mục đích linh hoạt để nông dân chủ động trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo điều kiện tự nhiên của từng năm.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

- Tiếp tục xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

- Củng cố hệ thống thông tin, dữ liệu; nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo kịp thời diễn biến của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết bất thường; giám sát biến đổi khí hậu và quản lý phát thải khí nhà kính.

- Rà soát, đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện một số công trình đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cập nhật phương án ứng phó rủi ro thiên tai.

- Tiếp tục thực hiện Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, trọng tâm là Kế hoạch Phát triển Lâm nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2026 - 2030; chương trình, dự án tiết kiệm năng lượng sinh hoạt, giao thông vận tải, trong sản xuất và chiếu sáng công cộng, sử dụng nguồn năng lượng mới, sạch, vật liệu thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển các mô hình ứng dụng hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý tổng hợp chất thải rắn như triển khai các dự án tăng cường tái sử dụng và tái chế chất thải rắn, cải tiến và áp dụng công nghệ chôn lấp bán hiếu khí, triển khai và nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện môi trường kết hợp với thu hồi năng lượng.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển và tham gia chuyển giao khoa học và công nghệ, tập trung vào công nghệ mới, hiện đại, sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện với môi trường và hệ thống khí hậu trái đất.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó biến đổi khí hậu; vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với những tác động của biến đổi khí hậu.

- Tăng cường việc liên kết giữa các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long quản lý nguồn tài nguyên nước mặt.

- Góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030, định hướng nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn sau 2030.

3. Nhiệm vụ chung giai đoạn sau 2030

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.

- Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách, kế hoạch tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với định hướng phát triển của giai đoạn mới nhằm xây dựng và củng cố nền kinh tế cacbon thấp có khả năng chống chịu và thích ứng cao với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó biến đổi khí hậu; vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với những tác động của biến đổi khí hậu.

Các nhiệm vụ giai đoạn sau năm 2030 sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn 2026 - 2030 (sau khi đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2026 - 2030).

4. Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu lĩnh vực, ngành

a) Lĩnh vực nông nghiệp và phòng tránh thiên tai

- Quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh tập trung, đảm bảo điều kiện hạ tầng tưới tiêu và thủy lợi thích ứng trong điều kiện hạn, mặn và gia tăng cường độ mưa lũ trong mùa mưa.

- Tích tụ tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất lớn đối với các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh, liên kết đầu ra sản phẩm.

- Tăng diện tích sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản xác nhận, chất lượng cao, chống chịu tốt hơn với hạn, mặn và các loại giống theo nhu cầu của thị trường xuất khẩu; cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ giảm tối đa chi phí sản xuất, vật tư nông nghiệp.

- Mở rộng diện tích cây ăn quả theo bản đồ nông hóa thổ nhưỡng để phục vụ nhu cầu thị trường, chủ yếu chuyển đổi từ các vùng đất lúa kém hiệu quả.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, lai tạo giống mới có khả năng chịu được sâu bệnh, chịu hạn, chịu mặn, chịu ngập úng, phù hợp với từng vùng, từng khu vực; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ hợp lý cho các vùng sản xuất thích ứng với BĐKH.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với BĐKH và NBD: Nghiên cứu phát triển, nhập khẩu các giống vật nuôi mới có năng suất cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt (trâu, bò thịt, lợn lai, dê, gia cầm, thủy cầm, thủy sản...) để nâng cao giá trị và thị phần của ngành chăn nuôi; phát triển các mô hình chăn nuôi hỗn hợp như mô hình VAC, mô hình an ninh lương thực, chăn nuôi và năng lượng (IFES), mô hình thích ứng chăn nuôi dựa vào sinh thái (EbA), VietGAP, CSA, chăn nuôi công nghệ cao và khép kín trong chăn nuôi.

- Phát triển mô hình sản xuất hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất, tận dụng phế phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hình thức liên kết giữa các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và các doanh nghiệp để sản xuất, chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm; đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng sản xuất lớn như kho chứa, bảo quản, sơ chế và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vùng sản xuất.

- Đầu tư hoàn chỉnh, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh rạch đảm bảo trữ nước vào mùa khô và điều tiết nước trong mùa mưa lũ; kiểm tra đảm bảo an toàn các công trình chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Ưu tiên đầu tư các công trình tạo nguồn nước, hệ thống tưới đối với vùng cây trồng tập trung có hiệu quả kinh tế cao; hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi hiện đại có khả năng ứng phó trong tình hình thời tiết cực đoan, đáp ứng nhu cầu tưới nước đồng thời tiêu úng cho những khu vực ngập úng, vùng trũng.

- Nhân rộng kỹ thuật tưới phun mưa, nhỏ giọt trong sản xuất, gieo trồng các giống cây chịu hạn; cải tạo ao hồ dự trữ nước cho sinh hoạt và sản xuất trong dân.

- Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cảnh báo sạt lở trên các tuyến sông, kênh có nguy cơ sạt lở cao.

- Triển khai thi công kè chống sạt lở các tuyến sông, kênh chính và áp dụng mô hình kè sinh thái vật liệu địa phương ở những khu vực thích hợp.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Áp dụng các giải pháp quản lý bền vững rừng bền vững phục vụ cân bằng sinh thái, phát triển du lịch, cải thiện sinh kế và chất lượng cuộc sống.

- Đầu tư hệ thống quan trắc thông minh, cảnh báo sớm tình hình xâm nhập mặn; triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 như IOT, Big Data, Blockchain, công nghệ tưới thông minh trong ngành sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển các công trình khí sinh học đối với hộ chăn nuôi, các biện pháp kỹ thuật canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường

các bể hấp thu khí nhà kính (phát triển diện tích rừng trồng, trồng cây phân tán, bảo vệ nghiêm ngặt khu bảo tồn thiên nhiên).

b) Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Rà soát quy hoạch sử dụng đất trên toàn tỉnh có xét đến những thay đổi của điều kiện khí hậu và thiên tai; trong đó chú ý quy hoạch sử dụng đất phù hợp với địa hình, hệ sinh thái của từng khu vực nhằm đảm bảo giữ ổn định hệ sinh thái nước ngọt, bảo vệ diện tích ao hồ tự nhiên.

- Quy hoạch sử dụng đất có tính đến hiệu quả gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp dưới tác động của BĐKH.

- Tổ chức triển khai các giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, đặc biệt đối với nguồn tài nguyên nước mặt. Điều tra, đánh giá ảnh hưởng BĐKH đến tài nguyên nước và đề xuất mô hình quản lý tài nguyên nước mặt. Phân vùng khai thác nước dưới đất hợp lý cho từng khu vực; tăng cường công tác quản lý nguồn tài nguyên nước dưới đất. Áp dụng các biện pháp tích trữ nước và sử dụng nước tiết kiệm.

- Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Hạn chế tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe nhân dân.

- Chú trọng cải thiện chất lượng môi trường không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các khu đô thị, khu dân cư.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các cơ sở áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải, áp dụng cơ chế phát triển sạch, thu hồi khí metan trong xử lý chất thải rắn.

- Thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là lĩnh vực xử lý chất thải.

- Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, tập trung công tác bảo tồn thiên nhiên đối với Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.

- Tăng cường việc liên kết giữa các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long quản lý nguồn tài nguyên nước mặt trước việc suy giảm nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công đổ về.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường trong việc thực hiện dự án “Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang”, hoàn thiện đồng bộ các trạm quan trắc môi trường và ứng dụng công nghệ tự động hóa, số hóa, mô hình hóa trong thu nhận dữ liệu, điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tài nguyên nước, môi trường.

c) Lĩnh vực công thương

- Thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các chương trình, nhiệm vụ về hỗ trợ chuyển đổi công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng; phát triển lĩnh vực công nghiệp môi trường.

- Đẩy mạnh thực hiện giải pháp áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các quá trình công nghiệp.

- Chuyển đổi nguồn cung cấp năng lượng từ hoá thạch sang các dạng năng lượng tái tạo, khuyến khích, đẩy mạnh sử dụng các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

- Triển khai các dự án để nâng cao tỷ lệ hộ gia đình sử dụng năng lượng sạch hơn và sử dụng khí sinh học trong đun nấu ở khu vực nông thôn.

d) Lĩnh vực xây dựng và cơ sở hạ tầng

- Xây dựng, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn gắn với quy hoạch sử dụng đất trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Thực hiện các giải pháp cấp nước hiệu quả ở các khu đô thị, công nghiệp tại các vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của khô hạn, xâm nhập mặn, nước biển dâng.

- Thực hiện tốt công tác tổ chức, quản lý quy hoạch; cải tạo, chỉnh trang đô thị hiện hữu; tổ chức thực hiện tốt việc quản lý hệ thống thoát nước tại các đô thị và Khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, đánh giá lại cốt nền các công trình xây dựng của toàn tỉnh trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Thực hiện các dự án nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai trong cộng đồng; các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao với BĐKH.

- Thực hiện Chương trình thoát nước và chống ngập úng đô thị ứng phó BĐKH tỉnh Hậu Giang; Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.

đ) Lĩnh vực giao thông

- Xây dựng hệ thống giao thông đảm bảo tiêu thoát nước, chống ngập; lồng ghép đánh giá tác động của BĐKH trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công, xây lắp công trình giao thông.

- Nâng cao năng lực chống chịu của cơ sở hạ tầng giao thông; nâng cấp, cải tạo, các công trình giao thông bộ, đường thủy ở các khu vực ngập lụt, sạt lở.

- Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn. Đầu tư các trục đường liên xã, liên thôn, cứng hóa mặt đường và đồng bộ hóa cầu cống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Quy mô mặt cắt ngang và tiêu chuẩn kỹ thuật các tuyến đường liên xã đạt tiêu chuẩn là đường cấp VI đồng bằng trở lên.

- Thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong hoạt động giao thông, vận tải; chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang công cộng và phương thức vận chuyển hàng hóa.

- Tham gia các hoạt động liên kết vùng và thu hút nguồn vốn hỗ trợ của quốc tế đối với các chương trình, dự án ứng phó BĐKH.

e) Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình, di tích văn hóa, lịch sử, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương.

- Thu hút sự tham gia tìm hiểu, đầu tư của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp để phát triển du lịch sinh thái, kết hợp với các mô hình sinh kế nông nghiệp thích ứng với BĐKH, kết hợp du lịch với nghiên cứu, tìm hiểu về sinh thái rừng, đa dạng sinh học.

g) Lĩnh vực giáo dục, y tế và an sinh xã hội

- Cập nhật kiến thức ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai gắn với kiến thức bản địa trong chương trình giáo dục, đào tạo các cấp học và hoạt động sinh hoạt ngoại khóa; phát triển các loại hình đào tạo các ngành nghề mới trong điều kiện BĐKH để phát triển tại địa phương.

- Có chính sách hỗ trợ kiên cố hóa nhà cửa, công trình dân sinh, phòng chống tốc mái khi có mưa gió lớn, bão, áp thấp nhiệt đới.

- Hỗ trợ đào tạo nghề tại chỗ đối với lực lượng lao động bị tác động do BĐKH.

- Hoàn thiện, đồng bộ các chính sách về y tế, trọng tâm hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương bởi BĐKH như người khuyết tật, người nghèo, cận nghèo, trẻ em và người già.

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh phát sinh mới liên quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu. Đầu tư công nghệ mới, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do BĐKH; hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của BĐKH đến sức khỏe cộng đồng, xây dựng và nhân rộng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2021 - 2025

a) Giải pháp về cơ chế, chính sách và tăng cường năng lực tổ chức thực hiện ứng phó biến đổi khí hậu

- Kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương về ứng phó biến đổi khí hậu.

- Kiện toàn và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo ứng phó biến đổi khí hậu cấp tỉnh, cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng phó BĐKH tại địa phương.

- Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện Kế hoạch của các cấp, các ngành có liên quan về biến đổi khí hậu.

- Tăng cường năng lực của tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về công tác ứng phó với BĐKH.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở, ngành, địa phương có liên quan để thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH.

- Chú trọng việc lồng ghép các yếu tố BĐKH vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Hướng dẫn thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh và thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng phó BĐKH; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với BĐKH.

b) Giải pháp đào tạo, thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền thông tin nhằm nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và người dân về công tác ứng phó với BĐKH. Huy động sự tham gia và nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể phổ biến sâu rộng trong hội viên và người dân về kiến thức ứng phó BĐKH.

- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức về BĐKH và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu cho các ngành, lĩnh vực từ cấp Sở đến cấp huyện.

- Kết hợp đào tạo hoặc mời chuyên gia, đơn vị nghiên cứu chuyên sâu về BĐKH hỗ trợ đào tạo cho cán bộ quản lý và cộng đồng nhằm nâng cao trình độ kiến thức về BĐKH và kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Giải pháp khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ ứng phó BĐKH trong ngành, lĩnh vực; tiến hành nghiên cứu khoa học chuyên sâu về BĐKH và giải pháp ứng phó BĐKH một cách cụ thể.

- Tăng cường hoạt động liên kết, hợp tác tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến phục vụ giảm phát thải khí nhà kính, tăng trưởng xanh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác dự báo, cảnh báo kịp thời diễn biến của BĐKH và các hiện tượng thời tiết bất thường; giám sát biến đổi khí hậu và quản lý phát thải khí nhà kính.

- Hỗ trợ xây dựng thí điểm, nhân rộng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất trong khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, vận động hỗ trợ quốc tế về năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH.

d) Giải pháp về tài chính

- Huy động các nguồn lực bao gồm nguồn xã hội hoá, nguồn lực tài chính của Trung ương, địa phương, dự án ODA, của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình, dự án liên quan đến nâng cao năng lực ứng phó BĐKH, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế,... tại các khu vực, địa phương có nguy cơ ảnh hưởng cao do BĐKH.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí, vật chất cho công tác nâng cấp hệ thống hạ tầng thuỷ lợi và hạ tầng đô thị, giao thông và cho đánh giá tác động BĐKH đến ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng ứng phó BĐKH.

- Đề nghị sự hỗ trợ, phân bổ kinh phí cho hoạt động ứng phó với BĐKH của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương thông qua các dự án, nhiệm vụ ứng phó cụ thể của tỉnh.

- Lồng ghép triển khai các nhiệm vụ, dự án ứng phó BĐKH vào thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ phát triển ngành, địa phương.

đ) Giải pháp giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch

- Giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch ứng phó với BĐKH từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã để đảm bảo thực hiện hiệu quả và kịp thời điều chỉnh trong quá trình thực hiện; đề xuất, xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn tiếp theo.

2. Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến 2050

a) Giải pháp về cơ chế, chính sách và tăng cường năng lực tổ chức thực hiện ứng phó biến đổi khí hậu

- Kịp thời rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương về ứng phó biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn cơ cấu tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BĐKH trong bộ máy quản lý các cấp; thực hiện chế độ tuyển dụng, thu hút nhân lực chuyên ngành về lĩnh vực BĐKH trong bộ máy quản lý về ứng phó BĐKH.

- Hướng dẫn thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá và giám sát phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Triển khai cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng phó BĐKH; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với BĐKH.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các chính sách về sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới và tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt, giao thông vận tải, sản xuất và các hạng mục công trình công cộng.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các chính sách về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp.

b) Giải pháp đào tạo, thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức

- Tổ chức tuyên truyền thông tin nhằm nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và người dân về công tác ứng phó với BĐKH. Phát triển các kênh thông tin truyền thông, tuyên truyền về phòng tránh thiên tai, thích ứng với BĐKH. Các tổ chức đoàn thể chủ động tham gia trong kế hoạch hoạt động hàng năm về tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong hội viên và người dân về nội dung ứng phó BĐKH.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức quản lý các cấp về công tác ứng phó với BĐKH thông qua việc kết hợp đào tạo hoặc mời chuyên gia, đơn vị nghiên cứu chuyên sâu về BĐKH hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ kiến thức về BĐKH và kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Giải pháp khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế, vận động hỗ trợ quốc tế về năng lực, tài chính, công nghệ để ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH.

- Đẩy mạnh ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác nông nghiệp giảm phát thải KNK, công nghệ xử lý chất thải, thu hồi khí đốt; áp dụng các giải pháp quản lý rừng bền vững, bảo vệ và phát triển đa dạng sinh học; ứng dụng biện pháp kỹ thuật, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại thực hiện sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp quy mô vừa và lớn.

d) Giải pháp về tài chính

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực bao gồm nguồn xã hội hoá, nguồn lực tài chính của Trung ương, địa phương, dự án ODA, của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình, dự án liên quan đến nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế, các dự án giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, dự án ứng dụng công nghệ số trong dự báo tác động BĐKH đối với từng lĩnh vực cụ thể.

- Lồng ghép triển khai các nhiệm vụ, dự án ứng phó biến đổi khí hậu vào thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ phát triển ngành, địa phương.

đ) Giải pháp giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch

Giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch ứng phó với BĐKH từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã để đảm bảo thực hiện hiệu quả và kịp thời điều chỉnh trong quá trình thực hiện; đề xuất, xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn tiếp theo.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Hậu Giang là 17.650,241 tỷ đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn từ Trung ương, các tổ chức khác, vốn xã hội hóa: 16.365,191 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 1.285,05 tỷ đồng (nguồn vốn thường xuyên: 184,181 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 1.100,869 tỷ đồng).

2. Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục rà soát, cập nhật các nhiệm vụ, dự án vào cuối năm 2025, sẽ xây dựng chi tiết nhu cầu kinh phí để thực hiện.

(Đính kèm Phụ lục danh mục dự án)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh hàng năm, giai đoạn. Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH cấp tỉnh theo kịch bản BĐKH quốc gia được cập nhật.

- Rà soát, cập nhật cơ chế chính sách ứng phó BĐKH phù hợp từng giai đoạn để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ ứng phó BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Triển khai các giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước.

- Chủ trì cập nhật các nhiệm vụ, dự án ứng phó BĐKH theo đề xuất của các đơn vị phù hợp tình hình thực tế địa phương.

- Chủ trì triển khai thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của các ngành, các cấp để ứng phó hiệu quả, kịp thời trước những tác động của BĐKH; phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH thông qua hoạt động tuyên truyền của cơ quan truyền thông; phong trào, hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp Hội, đoàn thể.

- Tham gia các hoạt động liên kết giữa các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long quản lý nguồn tài nguyên nước mặt.

- Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổng hợp đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch; giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan đầu mối tham mưu thực hiện các hoạt động liên kết vùng và thu hút các nguồn vốn tài trợ về hoạt động ứng phó BĐKH.

- Chủ trì thực hiện lồng ghép, tích hợp thích ứng BĐKH trong các bước lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương; hướng dẫn UBND cấp huyện lồng ghép các yếu tố BĐKH trong các bước lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; giám sát, đánh giá việc thực hiện các giải pháp ứng phó với BĐKH đã được lồng ghép.

- Phối hợp với Sở Tài chính phân bổ các nguồn vốn, điều phối kinh phí chung và các nguồn tài trợ cho các chương trình và dự án liên quan đến BĐKH, ưu tiên thực hiện các dự án ứng phó BĐKH trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

1.3. Sở Tài chính: Cùng với cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, khả năng cân đối ngân sách phối hợp hiện Kế hoạch này theo đúng quy định.

1.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, dự án ứng phó BĐKH trong lĩnh vực ngành nông nghiệp, đề xuất, cập nhật phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và tranh thủ các nguồn kinh phí đầu tư.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, nâng cao giá trị hàng hóa nông nghiệp, có cơ chế thu hút doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ cao về thủy sản, phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp.

- Lồng ghép, tích hợp thích ứng BĐKH trong quá trình xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phát triển của ngành.

- Xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ các khu vực xung yếu, đảm bảo an toàn các công trình phòng chống thiên tai.

- Triển khai thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

- Tham gia các hoạt động liên kết vùng và thu hút nguồn vốn hỗ trợ của quốc tế đối với các chương trình, dự án ứng phó BĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi và phòng tránh thiên tai.

1.5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp Sở, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ ứng phó với BĐKH.

- Ưu tiên thực hiện các đề tài nghiên cứu đánh giá tác động cụ thể của BĐKH đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế- xã hội của địa phương.
- Thực hiện cơ chế chính sách và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ thích ứng BĐKH.
- Phát triển hoạt động khoa học công nghệ trong cộng đồng để thích ứng BĐKH, nhất là ứng dụng vào lĩnh vực sản xuất.

1.6. Sở Công Thương

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng chương trình khuyến khích kêu gọi đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường; đẩy mạnh thực hiện giải pháp áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.
- Triển khai thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực phát triển năng lượng, các quá trình công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối ...) theo quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia và các chương trình khuyến khích phát triển năng lượng của Chính Phủ.

1.7. Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang

- Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp điều kiện tự nhiên của địa phương và hướng dẫn, chuyển giao mô hình sản xuất hiệu quả cho người dân.
- Đầu tư phát triển dịch vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng BĐKH trên địa bàn tỉnh.

1.8. UBND huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành liên quan

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch và các nhiệm vụ, dự án được giao; trên cơ sở các nhiệm vụ Kế hoạch như trên, chủ động xây dựng, đề xuất, cập nhật các nhiệm vụ, dự án phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và việc thực hiện nhiệm vụ của ngành; tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và huy động các nguồn vốn theo quy định.

Đối với UBND cấp huyện, rà soát xây dựng danh mục các chương trình, dự án, nhiệm vụ ứng phó BĐKH theo địa bàn quản lý.

- Thông tin tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng phó biến đổi khí hậu; quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trong nội bộ đơn vị và triển khai ra dân;

- Lồng ghép, tích hợp thích ứng BĐKH trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đồ án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành.

- Chủ động huy động nguồn lực và lồng ghép các hoạt động liên quan của chương trình, dự án, hoạt động khác của địa phương, ngành để thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng tỉnh.

1.9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh: Phối hợp tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu; giám sát, đề xuất việc thực hiện chính sách pháp luật về biến đổi khí hậu; tổ chức vận động tổ chức, cá nhân cùng tham gia đóng góp nguồn lực để triển khai Kế hoạch.

1.10. Các tổ chức xã hội và doanh nghiệp

Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức phi Chính phủ và doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động ứng phó với BĐKH, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục, an sinh xã hội, các mô hình cộng đồng thích ứng với BĐKH; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên trong Kế hoạch hành động của tỉnh.

2. Chế độ thông tin, báo cáo:

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố và các cơ quan liên quan định kỳ hàng năm (trước ngày 30 tháng 10 hàng năm) có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố cùng các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao cụ thể hóa các nội dung để triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì đề nghị các đơn vị tổng hợp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND huyện, TX, TP;
- HH Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo Hậu Giang;
- Đài PTTH Hậu Giang;
- Lưu: VT, NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên